Chi tiết mã HS 8452.29.00

Mã HS	8452.29.00
Mô tả hàng hóa	Máy khâu, trừ các loại máy khâu sách thuộc nhóm 84.40; bàn, tủ, chân máy và nắp thiết kế chuyên dùng cho các loại máy khâu; kim máy khâu / - Máy khâu khác: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 02:40:21
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84522900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14035
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14035
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14035
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13359
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13300
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13300
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13300
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13300
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13300
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13300
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13354
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13354
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13354

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13354
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13354
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13354
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13355
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13355
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13355
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13355
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13355
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13355
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13358
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13306
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13314
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13314
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13314
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13314
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13314
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13314
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13345
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13345
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13345
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13345
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13345
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13345
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13394
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13394
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13394

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13394
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13394
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13394
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13377
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13377
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13377
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13377
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13377
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13377
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D13377
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E13377
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F13377
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G13377
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H13377
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I13377
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13392
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13392
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13392
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13392
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13392
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13392
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13391
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13391
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13391
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13391
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13391

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13391
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13371
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13371
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13371
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13371
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13371
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13371
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13371
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13379
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13379
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13379
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13379
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13379
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13379
RCEP B	2022	2022	0	B!D13379
RCEP B	2023	2023	0	B!E13379
RCEP B	2024	2024	0	B!F13379
RCEP B	2025	2025	0	B!G13379
RCEP B	2026	2026	0	B!H13379
RCEP B	2027	2027	0	B!I13379
RCEP C	2022	2022	0	C!D13379
RCEP C	2023	2023	0	C!E13379
RCEP C	2024	2024	0	C!F13379
RCEP C	2025	2025	0	C!G13379
RCEP C	2026	2026	0	C!H13379
RCEP C	2027	2027	0	C!I13379

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D13378
RCEP D	2023	2023	0	D!E13378
RCEP D	2024	2024	0	D!F13378
RCEP D	2025	2025	0	D!G13378
RCEP D	2026	2026	0	D!H13378
RCEP D	2027	2027	0	D!I13378
RCEP E	2022	2022	0	E!D13382
RCEP E	2023	2023	0	E!E13382
RCEP E	2024	2024	0	E!F13382
RCEP E	2025	2025	0	E!G13382
RCEP E	2026	2026	0	E!H13382
RCEP E	2027	2027	0	E!I13382
RCEP F	2022	2022	0	F!D13379
RCEP F	2023	2023	0	F!E13379
RCEP F	2024	2024	0	F!F13379
RCEP F	2025	2025	0	F!G13379
RCEP F	2026	2026	0	F!H13379
RCEP F	2027	2027	0	F!I13379
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12413
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12413
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12413
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12413

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8452.29.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8452.29.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14035), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.